

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2025

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Toán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- An Giang tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 06 năm 2025, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXX ST- HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Đỗ Thị Mỹ T**, Sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 17, ấp Số 8, xã Sơn Kiên, huyện HD, tỉnh KG.

Nay là: Địa chỉ: Tổ 17, ấp Số 8, xã Sơn Kiên, tỉnh AG.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn Th**, Sinh năm 1992. (Vắng mặt có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 15, ấp Số 8, xã Sơn Kiên, huyện HD, tỉnh KG.

Nay là: Tổ 15, ấp Số 8, xã Sơn Kiên, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Đỗ Thị Mỹ T** trình bày:* Chị và anh **Nguyễn Văn Th** lấy nhau là do yêu thương có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Kiên, huyện HD, tỉnh KG vào năm 2012 theo giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 31/07/2012. Sau khi chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Kiến T, sinh ngày 10/10/2013, thời gian đầu hôn nhân rất hạnh phúc, thời gian sau hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và không còn tình cảm với nhau đủ

hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng bất thành nên nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị **Đỗ Thị Mỹ T** yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Th.**

- *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Kiến T, sinh ngày 10/10/2013. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc con chung, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết

** Bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Nguyễn Văn Th đều không có mặt.*

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại Đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt của anh Nguyễn Văn Th gửi đến Tòa án có ý kiến trình bày: Tôi đã nhận được thông báo triệu tập của Tòa án nhưng do bận công việc làm ăn xa không thể đến tòa án nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt tôi và tôi có ý kiến như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi đồng ý ly hôn với chị **Đỗ Thị Mỹ T.**

- *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Kiến T, sinh ngày 10/10/2013. Anh đồng ý giao 02 người con chung tên Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Kiến T, sinh ngày 10/10/2013 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc con chung. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị **Đỗ Thị Mỹ T** khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh **Nguyễn Văn Th** hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 15, ấp Số 8, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Nay là: Tổ 15, ấp Số 8, xã Sơn Kiên, tỉnh AG. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4-An Giang.

Anh **Nguyễn Văn Th** có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **Đỗ Thị Mỹ T**, đồng thời có đơn xin vắng mặt. Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị T đồng ý xử vắng mặt bị đơn anh Th. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh **Nguyễn Văn Th** là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Th thành lập gia đình với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay bất đồng ý kiến với nhau do không cùng chung quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân với nhau từ nhiều năm nay.

Tại Đơn xin vắng mặt tại Tòa án anh Nguyễn Văn Th có ý kiến đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Th đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Mỹ T, xử cho chị Đỗ Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Đỗ Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Th xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Kiến T, sinh ngày 10/10/2013 hiện đang sinh sống với chị T. Tại đơn xin vắng mặt anh Th có ý kiến đồng ý giao 02 người con chung tên Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Kiến T, sinh ngày 10/10/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc giáo dục đến khi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, Trong thời gian chị T và anh Th sống ly thân với nhau cho đến nay 02 cháu Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Kiến T, sinh ngày 10/10/2013 do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc khác, anh Th cũng có ý kiến về việc nuôi con chung, đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, và cháu Huy và cháu T cũng có nguyện vọng sống với chị T. Vì vậy, để đảm bảo về mặt tâm lý và cuộc sống ổn định hiện tại của cháu Huy và cháu T, Hội đồng xét xử thấy nên xử giao 02 cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Kiến T, sinh ngày 10/10/2013 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T và anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nếu sau này các bên có tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung có thể khởi kiện thành vụ án khác nếu có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đỗ Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chi Đỗ Thị Mỹ T là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Đỗ Thị Mỹ T** với anh **Nguyễn Văn Th.**

2. Về con chung: Xử giao 02 người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Kiến T, sinh ngày 10/10/2013 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu H). Chị T không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị Mỹ T với anh Nguyễn Văn Th xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Mỹ T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0015926 ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên không phải nộp thêm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Báo quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Mỹ T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND KV4-AG;
- THADS T.AG;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Toán

